

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 370/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3182/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 về phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 136/BC-HĐTD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Vùng đất bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh và 05 tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh.

2. Vùng biển ven bờ của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm phát triển và tổ chức không gian phát triển

a) Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng văn minh, hiện đại, phát triển năng động; là trung tâm hàng đầu của cả nước và khu vực Đông Nam Á về kinh tế, tài chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; giữ vai trò quan trọng trong liên kết và thúc đẩy phát triển các vùng khác. Phát triển vùng Đông Nam Bộ bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia; đi đầu trong thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

b) Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại; huy động tối đa nguồn lực phát triển, kết hợp hài hòa giữa nội lực với ngoại lực; lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm và động lực phát triển; chú trọng phát triển kinh tế ban đêm. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới, có vị thế vững chắc trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đổi mới tư duy và tầm nhìn phát triển, tạo các cơ chế, chính sách vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao để hình thành không gian phát triển và động lực tăng trưởng mới.

c) Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là chủ thể, nền tảng, nguồn lực, mục tiêu quan trọng nhất của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa là một trụ cột trong phát triển bền vững; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường. Mọi chính sách phát triển kinh tế - xã hội phải lấy con người làm trung tâm; nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tạo môi trường sống tốt nhất để thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc.

d) Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh để mở rộng không gian phát triển; gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển; phát triển hài hòa khu vực đô thị, nông thôn; khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao, tài nguyên số, không gian số. Đẩy mạnh xây dựng các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông kết nối vùng, liên vùng và quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hài hoà giữa các tiểu vùng, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong vùng.

đ) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước. Giải quyết cơ bản tình trạng tắc nghẽn giao thông, ngập úng và ô nhiễm môi trường. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng đối ngoại và hợp tác quốc tế.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển, có thu nhập cao; có tiềm lực kinh tế mạnh, cơ cấu kinh tế hiện đại; trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế thuộc nhóm hàng đầu của khu vực và thế giới; có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; có chất lượng cuộc sống cao, có trình độ y tế, giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu Đông Nam Á; môi trường sinh thái được bảo vệ, phát triển hiệu quả theo hướng kinh tế xanh, cac-bon thấp; các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn, phát huy. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng; trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của châu Á, nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới; phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, là điểm đến hấp dẫn toàn cầu.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2031 - 2050 đạt khoảng 7,5%/năm, GRDP/người đến năm 2050 đạt khoảng 54.000 USD.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Đông Nam Bộ trở thành vùng văn minh, hiện đại, có công nghiệp phát triển, vượt qua ngưỡng thu nhập cao, đời sống vật chất, tinh thần của người dân dẫn đầu cả nước; là vùng động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước, phát triển năng động, tốc độ tăng trưởng cao; trung tâm khoa học công nghệ và

đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực. Đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển kinh tế xanh, phát thải cac-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nhanh hệ thống đô thị xanh, thông minh, hiện đại. Cơ bản hoàn thành hệ thống giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và khu vực; đầu mối giao thương, hội nhập khu vực và thế giới. Tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố văn minh, hiện đại, năng động sáng tạo, là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học đến sinh sống và làm việc, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước; trung tâm tài chính quốc tế, nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới; có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á và phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực châu Á.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 8 - 9%/năm, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh tăng trưởng khoảng 8,5 - 9%/năm;

+ GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 380 - 420 triệu đồng, tương đương 14.500 - 16.000 USD;

+ Tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 41 - 42% trong GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng 45 - 46% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo khoảng 33%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2 - 3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 10 - 11%;

+ Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 35 - 40%;

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 70 - 75%;

+ 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới;

+ Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 56%.

- Về xã hội:

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,8;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 40 - 45%; tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%; tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống khoảng 5% trong tổng số lao động làm việc;

+ Phần đầu đạt 35 giường bệnh và 19 bác sĩ trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%;

+ Phần đầu đạt 450 sinh viên đại học trên 10.000 dân; có 02 - 03 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong số 500 trường đại học tốt nhất thế giới.

+ Nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn. Bảo tồn, tôn tạo và phát triển các công trình văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số kết hợp phát triển du lịch.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

Hoàn thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng khung kết nối vùng và liên vùng, bao gồm khoảng 850 km đường bộ cao tốc, các tuyến đường sắt kết nối vùng, đường sắt đô thị, các cảng biển cửa ngõ có chức năng trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không, đường thủy nội địa; phát triển hạ tầng năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 19,6%;

+ 100% khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường;

+ 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt đô thị tại nguồn, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, phần đầu tỷ lệ chôn lấp trực tiếp dưới 10% tổng lượng chất thải được thu gom;

+ Trên 50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định;

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của dân cư thành thị là 100%; tỷ lệ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của dân cư nông thôn là 95%;

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định đạt 98%.

- Về quốc phòng, an ninh: Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, nhất là tại khu vực biên giới, biển, đảo; bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

4. Nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch

a) Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo đột phá nâng cao năng suất dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển một số ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại trở thành các động lực tăng trưởng mới như công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, dịch vụ tài chính (gắn với hình thành trung tâm tài chính quốc tế), logistics.

b) Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giải quyết cơ bản tình trạng tắc nghẽn giao thông, ngập úng và ô nhiễm môi trường. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng (TOD).

c) Tập trung phát triển vùng động lực phía Nam (vùng động lực quốc gia) trở thành trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Xây dựng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị, đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực.

d) Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế, trong đó ưu tiên hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu và các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; kết nối hiệu quả các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế và làm cơ sở để tổ chức lại không gian phát triển vùng.

đ) Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ KHÔNG GIAN CÁC NGÀNH CÓ LỢI THẾ CỦA VÙNG

1. Công nghiệp

- Vùng Đông Nam Bộ đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao. Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu trên cơ sở đổi mới công nghệ, mô hình tổ chức sản xuất, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: Công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, điện tử - viễn thông, cơ khí chế tạo, công nghiệp sản xuất rô-bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin; công nghiệp hóa chất, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu; công nghiệp dược

phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất vắc-xin; công nghiệp vật liệu mới; công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh công nghiệp hỗ trợ các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm quy mô lớn hướng vào xuất khẩu của vùng;

- Tăng cường kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp. Tập trung phát triển các cụm liên kết ngành với khu vực tập trung chủ yếu như sau: Điện tử, công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip và trí tuệ nhân tạo (tập trung chủ yếu ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa-Vũng Tàu), sản xuất hàng cơ điện gia dụng (khu vực Bình Dương - Đồng Nai), công nghiệp cơ khí sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, máy móc nông nghiệp (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai), công nghiệp hóa dầu và sản xuất các sản phẩm hóa chất từ dầu, khí (khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu); công nghiệp cơ khí đóng tàu và cấu kiện nổi phục vụ khai thác dầu khí (khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu - Đông Nam Thành phố Hồ Chí Minh), công nghiệp hóa dược, sản xuất thuốc (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai), công nghiệp dệt may, da giày (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bình Phước), công nghiệp chế biến gỗ, cao su (khu vực Đồng Nai - Bình Dương - Bình Phước - Tây Ninh), chế biến sản phẩm chăn nuôi, thức ăn gia súc (khu vực Đồng Nai - Bình Phước - Tây Ninh), chế biến thực phẩm, trái cây, đồ uống đóng hộp hướng vào xuất khẩu (khu vực Bình Dương - Đồng Nai - Bình Phước);

- Phân bố không gian phát triển công nghiệp theo các trục giao thông liên vùng, tập trung vào các tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, cao tốc Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu và đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Từng bước cơ cấu lại không gian công nghiệp của vùng theo hướng chuyển Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phụ cận tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai thành trung tâm mạnh về công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường; dịch chuyển dần các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, tài nguyên tới các khu vực phát triển mới tại tiểu vùng phía Bắc và tiểu vùng ven biển.

2. Dịch vụ

Phát triển vùng Đông Nam Bộ trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế. Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin, viễn thông; khoa học, công nghệ; du lịch; logistics.

a) Về dịch vụ tài chính

Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và

trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Tăng hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển “tín dụng xanh”, “ngân hàng xanh”. Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế, nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế.

b) Về thương mại, logistics

- Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, đồng bộ với sự phát triển của công nghiệp hóa, khai thác tối đa lợi ích từ toàn cầu hóa. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển thương mại vùng. Xây dựng thương hiệu hàng hóa chất lượng cao, tham gia sâu vào mạng lưới phân phối và chuỗi giá trị toàn cầu, phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm chủ lực của vùng. Phát triển mạnh thương mại điện tử với Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm, lan tỏa đến các địa phương trong vùng;

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics gắn với tăng cường liên kết vùng và xây dựng các doanh nghiệp mạnh về logistics. Đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ số, công nghệ quản lý hiện đại trong vận hành của các trung tâm logistics để nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí, bảo đảm năng lực cạnh tranh và hội nhập được với các trung tâm logistics của khu vực, thế giới.

c) Về du lịch

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và đi vào chiều sâu, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao trong khu vực. Phát triển mạnh các sản phẩm du lịch có lợi thế như du lịch biển, đảo, du lịch hội nghị, hội thảo (MICE), du lịch sinh thái, du lịch về nguồn, du lịch văn hóa, các dịch vụ vui chơi, giải trí; đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ du lịch để thu hút du khách trong nước và quốc tế;

- Phát triển khu vực động lực phát triển du lịch của vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu; phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế. Tăng cường liên kết vùng để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả phát triển du lịch trên cơ sở liên kết về tài nguyên du lịch nổi bật và hệ thống giao thông kết nối; đẩy mạnh các tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng gắn kết các sản phẩm du lịch độc đáo của các địa phương.

3. Nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, thông minh, tuần hoàn, sinh thái, bền vững; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức lại phương thức sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, tăng cường liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm; gắn phát triển nông nghiệp với du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học;

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao sinh thái và hữu cơ, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ở khu vực Tây Bắc và phía Bắc vùng bao gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương; tập trung vào các sản phẩm cây công nghiệp lợi thế như cao su, điều, hồ tiêu và các loại cây ăn quả, ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung theo hình thức trang trại, doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh với các sản phẩm chủ lực là chăn nuôi lợn, gia cầm, bò sữa;

- Nâng cao hiệu quả và tính bền vững của khai thác hải sản, chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản. Đầu tư Trung tâm nghề cá lớn Bà Rịa - Vũng Tàu gắn với ngư trường Đông Nam Bộ; khu Trung tâm thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh tại huyện Cần Giờ phục vụ cho chế biến sâu kết hợp cảng cá. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp ở các vùng biển có điều kiện thuận lợi, ưu tiên các vùng biển xa bờ;

- Xây dựng các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao cung cấp cho các địa phương trong và ngoài vùng. Hình thành trung tâm logistics nông sản trên địa bàn vùng phục vụ kiểm soát chất lượng, chế biến, xuất khẩu hàng nông sản của vùng và các vùng lân cận;

- Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. Phát triển lâm nghiệp bền vững trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Phát triển nông - lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ cac-bon, phát triển kinh tế dưới tán rừng.

4. Phát triển kinh tế biển

Phát triển mạnh kinh tế biển, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí và du lịch biển. Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, SẮP XẾP, LỰA CHỌN VÀ PHÂN BỐ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG

1. Định hướng phát triển các tiểu vùng

a) Tiểu vùng trung tâm, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai

- Phát huy thế mạnh của tiểu vùng về công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên sâu và dịch vụ chất lượng cao, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại các đô thị lớn; phát triển kinh tế trí thức, sáng tạo, kinh tế số;

- Nâng cao chất lượng phát triển các ngành công nghiệp then chốt, ưu tiên các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, ít thâm dụng lao động như công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, cơ khí chính xác, chế tạo thông minh, công nghệ sinh học. Xây dựng, phát huy hiệu quả các khu công nghệ cao, các trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng công nghệ cao;

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như thương mại, logistics, tài chính, ngân hàng, du lịch... Thúc đẩy công nghệ số trong các ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, du lịch số, công nghiệp văn hoá số. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế;

- Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tiêu biểu về giáo dục và đào tạo chất lượng cao của quốc gia và khu vực, tiệm cận nhanh trình độ quốc tế, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập; các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia; phát triển các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số. Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới;

- Phát triển vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương và thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành. Phát triển thành phố Thủ Đức trở thành cực tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao, hạt nhân thúc đẩy kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ.

b) Tiểu vùng ven biển, gồm khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Phát triển trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở châu Á với các ngành kinh tế biển: Cảng biển, logistics, khai thác dầu khí, hoá dầu, du lịch biển, đảo, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Quản lý, khai thác, sử dụng các khu vực biển tuân thủ theo Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phát triển các tổ hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị quy mô lớn tham gia và liên kết hiệu quả với vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ của vùng theo vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh và hành lang theo đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu. Xây dựng khu thương mại tự do gắn với hệ thống cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ, hình thành hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ hoàn chỉnh;

- Phát triển chuỗi đô thị du lịch ven biển theo hướng đô thị xanh; phát triển thành phố Vũng Tàu trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế. Phát triển Côn Đảo trở thành khu du lịch sinh thái biển, đảo và văn hóa - lịch sử - tâm linh chất lượng cao, đặc sắc tầm cỡ khu vực và quốc tế;

- Chú trọng bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

c) Tiểu vùng phía Bắc, gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học;

- Mở rộng và hình thành các khu công nghiệp mới tại các địa bàn có dư địa phát triển nhằm giảm áp lực cho tiểu vùng trung tâm. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hình thành và nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ chủ quyền biên giới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các địa phương;

- Phát triển hoạt động thương mại, đầu tư tại các khu kinh tế cửa khẩu, trọng tâm là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Phát triển tuyến vành đai biên giới gắn với xây dựng điểm dân cư biên giới;

- Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa tại tiểu vùng, từng bước nâng cao mức sống đô thị, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Xây dựng các khu tổ hợp đa chức năng về giáo dục - y tế - thể thao - khoa học - công nghệ để tạo động lực phát triển đô thị, dịch vụ của tiểu vùng.

2. Phát triển vùng động lực phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (Vùng động lực quốc gia)

- Phát triển vùng động lực phía Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các địa bàn cấp huyện dọc theo các trục quốc lộ 22, quốc lộ 13, quốc lộ 1, quốc lộ 51, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành qua các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng. Trong giai đoạn sau năm 2030, tiếp tục mở rộng phạm vi của vùng động lực.

- Xây dựng vùng động lực phía Nam dẫn đầu cả nước và hàng đầu khu vực Đông Nam Á về kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với các định hướng chủ yếu sau:

+ Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, thu hút các cơ sở nghiên cứu và triển khai (R&D) của các tập đoàn lớn trên thế giới;

+ Phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học, công nghệ, logistics. Thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế. Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao. Phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp công nghệ thông tin, công viên phần mềm, trí tuệ nhân tạo. Phát triển kinh tế biển như dịch vụ logistics, khai thác chế biến dầu khí, du lịch biển;

+ Nâng cao khả năng kết nối hạ tầng vùng. Ưu tiên đầu tư tuyến đường sắt vận tải hàng hóa kết nối với cảng biển cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải; đầu tư các đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường bộ cao tốc; mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành.

3. Phát triển các hành lang kinh tế

a) Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ (từ Đồng Nai đến Thành phố Hồ Chí Minh)

- Xây dựng trở thành hành lang kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ; lan tỏa, liên kết phát triển từ vùng động lực phía Nam (vùng động lực quốc gia) đến khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long;

- Liên kết phát triển và nâng cao chất lượng phát triển đô thị trên hành lang. Xây dựng, nâng cấp hệ thống các khu công nghiệp có hạ tầng hiện đại, phát triển theo các cụm liên kết ngành;

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông theo tuyến hành lang. Xây dựng, nâng cấp, mở rộng các đoạn tuyến của đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông; cao tốc liên vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng. Xây dựng đường sắt kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

b) Hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu

- Phát triển hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu gắn với hành lang kinh tế xuyên Á, là cửa ngõ ra biển của vùng; kết nối phát triển 03 tiểu vùng của vùng Đông Nam Bộ và thúc đẩy chuyển dịch một số ngành công nghiệp thâm dụng lao động từ tiểu vùng trung tâm lên tiểu vùng phía Bắc;

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông để hỗ trợ kết nối trên toàn tuyến hành lang: Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Biên Hòa - Vũng Tàu; đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (kết nối cảng biển cửa ngõ); đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành;

- Hình thành chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải. Liên kết phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ đi đôi với quá trình dịch chuyển không gian công nghiệp của vùng. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Phát triển hạ tầng thương mại, logistics nhằm thúc đẩy giao thương với khu vực, quốc tế.

c) Vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc theo vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn thành khép kín các đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển các khu vực đô thị, công nghiệp, các trung tâm dịch vụ trên cơ sở khai thác không gian phát triển mới từ đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh tạo thành chuỗi liên kết liên ngành, liên địa phương hiệu quả.

d) Hành lang kinh tế theo quốc lộ 13 từ Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước

Thúc đẩy phát triển theo hành lang quốc lộ 13 kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước; tạo điều kiện chuyển dịch một số ngành công nghiệp thâm dụng lao động từ tiểu vùng trung tâm lên tiểu vùng phía Bắc. Đồng thời với quá trình chuyển dịch không gian công nghiệp, từng bước chuyển đổi mô hình, nâng cấp các đô thị khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương, hình thành các khu vực đô thị mới tại phía Bắc tỉnh Bình Dương, phát triển các đô thị của tỉnh Bình Phước trên trục hành lang. Xây dựng các tuyến cao tốc, đường sắt tăng cường kết nối vùng: cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh.

đ) Hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ

- Từng bước hình thành hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh;

- Phát triển hành lang kết nối các vùng nguyên liệu cây công nghiệp, công nghiệp chế biến, liên kết phát triển du lịch các địa phương vùng Đông Nam Bộ với tuyến du lịch “con đường xanh Tây Nguyên”. Mở rộng phát triển đô thị và hệ thống khu, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ, du lịch trên tuyến hành lang; tăng cường tác động lan tỏa của các đô thị trung tâm tiểu vùng như Đồng Xoài, Chơn Thành (tỉnh Bình Phước), Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh).

e) Hành lang kinh tế Tây Ninh - Bình Dương

- Hình thành hành lang kinh tế kết nối từ khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài qua các huyện Gò Dầu, Dương Minh Châu (tỉnh Tây Ninh) tới các huyện Dầu Tiếng, Bàu Bàng (tỉnh Bình Dương) để kết nối với hành lang kinh tế theo quốc lộ 13 và đoạn hành lang Biên Hòa - Vũng Tàu nhằm thúc đẩy phát triển tiểu vùng phía Bắc, đồng thời kết nối với các hành lang kinh tế quan trọng của khu vực;

- Từng bước phát triển hạ tầng giao thông đường bộ và đường sắt. Phát triển các khu công nghiệp, trung tâm logistics, nhất là tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và các huyện Gò Dầu (Tây Ninh), Bàu Bàng (Bình Dương); phát triển đô thị trên tuyến hành lang.

4. Hành lang kết nối vùng dọc theo sông Sài Gòn, sông Đồng Nai

- Phát triển khu vực dọc theo sông Sài Gòn và sông Đồng Nai qua Thành phố Hồ Chí Minh và hai tỉnh Bình Dương, Đồng Nai trở thành hành lang xanh - sinh thái phục vụ kết nối không gian đô thị và phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch liên tỉnh gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cảnh quan.

- Phát triển các khu du lịch sinh thái, các điểm du lịch văn hóa - lịch sử, kết hợp với cải thiện hạ tầng du lịch để thúc đẩy du lịch đường sông liên tỉnh, mang thương hiệu của vùng. Quản lý phát triển đô thị với quy mô hợp lý, chú trọng bảo tồn các giá trị sinh thái, cảnh quan đặc trưng, không gian xanh của khu vực. Nâng cấp hạ tầng đường thủy, xây dựng các tuyến đường bộ ven sông; phát triển hạ tầng thủy lợi, chống ngập đô thị và phòng, chống thiên tai. Tăng cường phục hồi, bảo vệ, cải thiện chất lượng nguồn nước sông Đồng Nai, sông Sài Gòn gắn với các giải pháp đồng bộ quản lý và bảo vệ môi trường theo lưu vực sông.

5. Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

a) Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn

- Bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt và mở rộng hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn, khu bảo tồn rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và ven biển;

- Bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt và mở rộng hệ thống các khu di sản thiên nhiên được các tổ chức quốc tế công nhận;

- Khu vực I các di tích lịch sử - văn hóa ở cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

b) Các vùng hạn chế phát triển

- Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận;

- Các hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng;
- Khu vực II các di tích lịch sử - văn hóa ở cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt. Hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, núi, lũ ống, lũ quét.

V. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, CÁC KHU CHỨC NĂNG VÀ VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

1. Phương hướng xây dựng hệ thống đô thị

- Tiếp tục thúc đẩy quá trình đô thị hóa theo hướng bền vững, nâng tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 70 - 75%; chú trọng chất lượng đô thị hóa. Mở rộng mạng lưới đô thị vùng Đông Nam Bộ và phân bổ hợp lý giữa các tiểu vùng, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội vùng nhanh, bền vững;

- Phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại; kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới; Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng. Phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Phát triển hệ thống đô thị vùng theo các mô hình đô thị bảo đảm hiệu quả gắn với chức năng và động lực phát triển đô thị, phù hợp với từng địa bàn, đặc trưng từng tiểu vùng (như mô hình đô thị cảng biển, đô thị sân bay, đô thị công nghiệp, đô thị du lịch, đô thị đại học, đô thị khoa học, công nghệ);

- Phát triển đô thị theo các đầu mối giao thông lớn, theo các vành đai và hành lang phát triển. Hình thành các đô thị vệ tinh kết nối thuận lợi với các trung tâm, có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, giảm tải cho các đô thị lớn, đô thị trung tâm. Hạn chế mở rộng phát triển đô thị trên diện rộng, đặc biệt tại các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu;

- Hình thành hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại và các công trình hạ tầng cấp vùng. Tập trung phát triển hệ thống giao thông đường bộ, mạng lưới đường sắt đô thị nội vùng nhằm tăng cường kết nối mạng lưới đô thị trung tâm. Tăng tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị. Quy hoạch phát triển các đô thị theo hướng đô thị nén, mật độ cao, hiện đại, thông minh gắn với TOD. Quy hoạch, quản lý, khai thác hiệu quả không gian ngầm, từng bước liên kết các đô thị lớn qua không gian ngầm, nhất là tại khu vực tiểu vùng trung tâm; gắn phát triển hạ tầng ngầm với phát triển các loại hình chức năng thương mại, dịch vụ, công cộng đô thị;

- Phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân; đến năm 2030, phân đầu diện tích nhà ở bình quân đầu người của vùng Đông Nam Bộ ngang bằng mức trung bình cả nước. Đẩy mạnh xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân

khu công nghiệp gắn với bảo đảm dịch vụ, tiện ích xã hội. Quan tâm phát triển các loại hình nhà ở có giá cả hợp lý nhằm mở rộng khả năng tiếp cận nhà ở của người dân;

- Duy trì và bảo vệ các vùng sinh thái, cảnh quan tự nhiên đặc trưng, nguồn nước và các hành lang xanh trong vùng; cải thiện chỉ tiêu diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị. Phát triển đô thị có kiến trúc hiện đại, giàu bản sắc, đồng thời gìn giữ và phát huy các yếu tố văn hóa và không gian đặc trưng, truyền thống trong quá trình đô thị hóa;

- Hình thành vùng đô thị lớn, liên vùng giữa Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long nhằm chia sẻ chức năng về dịch vụ, công nghiệp, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tổ chức vùng đô thị lớn trên cơ sở liên kết cụm và chuỗi đô thị gắn với không gian phát triển công nghiệp, dịch vụ. Liên kết cụm đô thị khu vực phía Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh và phía Nam tỉnh Bình Dương, phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai hỗ trợ các chức năng công nghiệp, dịch vụ cho khu vực trung tâm vùng. Liên kết cụm đô thị phía Nam, Đông Nam Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hỗ trợ các chức năng công nghiệp, dịch vụ cho khu vực ven biển;

- Xây dựng đô thị sân bay Long Thành là đô thị hiện đại, đẳng cấp quốc tế, liên kết với các đô thị Nhơn Trạch, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Vũng Tàu thành cụm đô thị cửa ngõ của vùng và quốc gia kết nối quốc tế thông qua các cảng hàng không, cảng biển trung chuyển quốc tế;

- Phát triển các chuỗi đô thị gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam (qua địa bàn Đồng Nai - Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long), hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ (qua Bình Phước - Bình Dương - Tây Ninh - Long An), hành lang kinh tế quốc lộ 13 (qua Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước); chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải; chuỗi đô thị gắn với vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phương hướng xây dựng hệ thống đô thị theo các tiểu vùng

a) Tiểu vùng trung tâm

- Thành phố Hồ Chí Minh vừa là đô thị trung tâm cấp quốc gia, vừa là đô thị trung tâm vùng:

- + Là đô thị loại đặc biệt trực thuộc trung ương; trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan toả, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng

kinh tế trọng điểm phía Nam; sớm trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ, văn hoá, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và châu Á, có năng lực cạnh tranh toàn cầu; thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế;

+ Là đầu mối giao thông, hạ tầng số quan trọng trong vùng Đông Nam Bộ, quốc gia và quốc tế; là trung tâm liên kết vùng, đầu mối kết nối các loại hình vận tải đa phương thức của miền Nam;

+ Là một trong những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng Đông Nam Bộ, cả nước và khu vực Biển Đông.

- Thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai) là đầu mối giao thông quan trọng và trung tâm logistics phía Đông của vùng; trung tâm cấp vùng về dịch vụ đa lĩnh vực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thương mại - tài chính, du lịch, thể dục thể thao;

- Phát triển đô thị Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai) là trung tâm công nghiệp sạch, dịch vụ logistics, trung tâm giải trí và du lịch cảnh quan sinh thái. Xây dựng đô thị sân bay Long Thành là đô thị hiện đại, đẳng cấp quốc tế với các chức năng đô thị, dịch vụ, công nghiệp tiêu chuẩn cao; khai thác lợi thế của cảng hàng không trung chuyển quốc tế để tạo động lực phát triển mới;

- Từng bước đồng bộ về kết nối hạ tầng, không gian, các khu chức năng để hướng tới hình thành đô thị Bình Dương trên cơ sở cụm các đô thị gồm các thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát và đô thị Bàu Bàng; trở thành trung tâm cấp vùng về công nghiệp, thương mại - tài chính, logistics, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

b) Tiểu vùng ven biển

- Phát triển thành phố Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thành trung tâm cấp vùng về dịch vụ, thương mại; đô thị du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế; trung tâm dịch vụ cảng biển và dịch vụ dầu khí quan trọng của quốc gia; đầu mối giao thương về cảng biển với quốc tế; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường biển;

- Phát triển thành phố Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thành trung tâm dịch vụ - thương mại, đào tạo, nghiên cứu khoa học;

- Phát triển đô thị Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thành trung tâm công nghiệp chuyên sâu; trung tâm thương mại - dịch vụ; trung tâm dịch vụ hàng hải, logistics của vùng; đầu mối giao thông cảng quan trọng của vùng và quốc gia với hệ thống cảng đặc biệt quốc gia, trung chuyển quốc tế;

- Khai thác hiệu quả khu vực lấn biển tại Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) để hình thành đô thị nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái chất lượng cao trên nguyên tắc bảo vệ môi trường và hệ sinh thái tự nhiên.

c) Tiểu vùng phía Bắc

- Thành phố Đồng Xoài (tỉnh Bình Phước) là đầu mối giao thương quan trọng kết nối với vùng Tây Nguyên; trung tâm cấp vùng về thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, đào tạo;

- Đô thị Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục, đào tạo; cửa ngõ tiếp nhận chuyển dịch công nghiệp từ tiểu vùng trung tâm;

- Thành phố Tây Ninh (tỉnh Tây Ninh) là trung tâm cấp vùng về thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa - lịch sử;

- Đô thị Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh) là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục, đào tạo; đầu mối giao thông quan trọng trên tuyến hành lang Xuyên Á; cửa ngõ tiếp nhận chuyển dịch công nghiệp từ tiểu vùng trung tâm.

3. Phương hướng phát triển nông thôn

- Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn; xây dựng cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, hợp lý. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, mở rộng và nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Thực hiện hiệu quả chương trình nông thôn mới, quan tâm xây dựng các cụm, tuyến dân cư biên giới đạt chuẩn các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát triển các điểm dân cư nông thôn bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, môi trường gắn với cung cấp các tiện ích dịch vụ công cộng; bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống khu vực nông thôn;

- Đối với các khu vực nông thôn nằm trong vùng đô thị hóa: Định hướng chuyển đổi không gian nông thôn từng bước gắn với các chức năng đô thị (dịch vụ, thương mại), hạ tầng được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch, bảo đảm quản lý chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đối với các khu vực nông thôn nằm trong dải vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo liên kết các hoạt động sản xuất, dịch vụ nông thôn với các hoạt động dịch vụ, thương mại, công nghiệp của vùng, từng bước chuyển đổi các loại hình sản xuất nông nghiệp thuần túy sang nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp phục vụ đô thị gắn với tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại song hành với quá trình đô thị hóa bền vững;

- Đối với khu vực nông thôn sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn: Phát triển các điểm dân cư theo hướng tập trung, có khả năng cung cấp các dịch vụ hậu cần cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Đối với khu vực nông thôn biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn: Đầu tư hạ tầng kinh tế, xã hội để bảo đảm ổn định dân cư, cải thiện sinh kế dựa trên phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới;

- Đối với khu vực nông thôn ven biển: Cải tiến mô hình các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản theo hướng bền vững và gắn với công nghiệp chế biến. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang các hoạt động dịch vụ, du lịch tại các khu vực có tiềm năng, lợi thế. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Phương hướng phát triển các khu chức năng, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Khu kinh tế cửa khẩu

- Ưu tiên phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) trở thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với các chức năng về công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ - du lịch; là đầu mối giao thương quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, kết nối giữa Việt Nam với Campuchia và khu vực ASEAN; gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Rà soát, xác định khu vực tập trung phát triển với quy mô phù hợp tại các khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát (Tây Ninh), khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước). Đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng nội khu và hạ tầng kết nối; phát triển các dịch vụ cửa khẩu, kho bãi, logistics; thu hút các dự án sản xuất công nghiệp tạo động lực phát triển lâu dài cho các khu kinh tế cửa khẩu.

b) Khu công nghệ cao

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao trên địa bàn vùng, thành lập mới các khu công nghệ cao, công viên khoa học công nghệ tại các địa phương có tiềm năng và điều kiện phát triển như công viên khoa học công nghệ, công viên phần mềm tại tỉnh Bình Dương, khu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại tỉnh Bình Phước... Ưu tiên mở rộng khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển trở thành công viên khoa học công nghệ; tạo điều kiện môi trường thuận lợi nhất cho nghiên cứu triển khai, ươm tạo công nghệ và thương mại hóa công nghệ cao. Phát triển khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ đa chuyên ngành, hạt nhân khoa học công nghệ thúc đẩy vùng Đông Nam Bộ phát triển nhanh theo xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao tại các địa phương trong vùng phù hợp với điều kiện, lợi thế của từng địa bàn. Các khu nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò lan tỏa về chuyển giao mô hình, quy trình kỹ thuật cho các địa phương trong vùng và các vùng lân cận.

c) Khu công nghiệp, khu chế xuất

- Phân bố phát triển hệ thống khu công nghiệp trên địa bàn vùng theo hướng gắn với các trục hành lang cao tốc, quốc lộ kết nối liên tỉnh, liên vùng đi cảng biển, cửa khẩu quốc tế và các tuyến vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, lan tỏa mở rộng không gian công nghiệp về các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, khu vực phía Bắc tỉnh Bình Dương, phía Đông tỉnh Đồng Nai, phía Tây Bắc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất gắn với hình thành, phát triển các cụm liên kết ngành, phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, mạng lưới cơ sở sản xuất vệ tinh. Sắp xếp lại, di dời, chuyển đổi công năng phù hợp các khu công nghiệp có vị trí không còn phù hợp nằm trong khu vực nội thị, khu vực mở rộng đô thị hóa; hạn chế tăng thêm khu công nghiệp thâm dụng lao động, công nghệ thấp, ô nhiễm môi trường tại các khu vực đô thị trung tâm của vùng. Phát triển các khu công nghiệp đi đôi với nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực ngoài hàng rào và xây dựng các khu nhà ở cho công nhân đáp ứng nhu cầu về nhà ở, dịch vụ đời sống - văn hóa và điều kiện môi trường cho người lao động;

- Chú trọng phát triển các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ hiện đại; các khu công nghiệp có hạ tầng xanh và các dịch vụ, tiện ích đồng bộ, hiện đại; các khu công nghiệp chuyên ngành có hạ tầng, dịch vụ phù hợp thu hút doanh nghiệp sản xuất có tính đồng bộ các phân khúc từ sản xuất thành phần, cấu kiện cho tới sản xuất, lắp ráp thành phẩm cuối cùng; các khu công nghiệp sinh thái vận hành theo mô hình kinh tế tuần hoàn;

- Hình thành, phát triển một số khu công nghiệp công nghệ cao (công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, vi mạch, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, phần mềm, thiết bị rô-bốt...) tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phụ cận tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu tạo thành vùng động lực phát triển công nghiệp công nghệ cao;

Căn cứ nhu cầu đầu tư, quy định về điều kiện thành lập, mở rộng khu kinh tế, khu công nghiệp và quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh.

d) Khu du lịch

Phát triển các khu du lịch trên địa bàn vùng gắn với các sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh cao trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế đặc thù về cảnh quan sinh thái tự nhiên và các giá trị văn hóa - lịch sử tại các địa phương để thu hút du khách. Tập trung phát triển các khu du lịch quốc gia theo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

đ) Khu bảo tồn

- Tăng cường bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát...;

- Nghiên cứu xây dựng hành lang đa dạng sinh học Cát Tiên (Đồng Nai) - Cát Lộc (Lâm Đồng) để kết nối các vùng sinh thái tự nhiên nhằm mở rộng sinh cảnh sống của các loài sinh vật;

- Tiếp tục bảo tồn 02 vùng đất ngập nước quan trọng có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar) hiện có. Nghiên cứu thành lập mới 01 vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế là Khu Ramsar rừng ngập mặn Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh); 04 vùng đất ngập nước quan trọng đối với quốc gia tại khu vực Bắc Đồng Nai (Đồng Nai), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh), hồ Thác Mơ và hồ Phước Hòa (Bình Phước);

- Thực hiện điều tra, thống kê diện tích các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu vực đa dạng sinh học cao trên địa bàn vùng để khoanh vùng cho bảo vệ và sử dụng bền vững. Quản lý, bảo vệ, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy hoạch.

e) Khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích

Thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử, văn hóa của vùng. Đầu tư trùng tu, tôn tạo di tích đã xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia trên địa bàn vùng; kết hợp bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch. Lập hồ sơ nâng hạng đối với các di tích đủ tiêu chí xếp hạng di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

g) Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Ổn định các diện tích cây sắn, cây mía nguyên liệu, tập trung tại khu vực các tỉnh Tây Ninh và Đồng Nai. Tăng diện tích gieo trồng, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất rau tập trung với các địa bàn trọng điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai. Nâng cao hiệu quả các diện tích phát triển cây công nghiệp lâu năm gắn với công nghiệp chế biến, trong đó cây cà phê tập trung tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu; cây cao su tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước; cây điều tại các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng

Tàu; cây hồ tiêu tại các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Phát triển mạnh các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung với các địa bàn trọng điểm cho các loại cây chủ lực. Hình thành các vùng chuyên canh, các làng nghề hoa, cây cảnh gắn với phát triển du lịch nông thôn, tập trung tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường; khuyến khích hình thành các vùng chăn nuôi tập trung tại các địa phương. Tập trung nuôi trồng thủy sản ven biển, trên biển, hải đảo tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Mạng lưới giao thông

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng tạo cơ sở hình thành, phát triển các hành lang, vành đai kinh tế. Nâng cao vai trò của vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, góp phần cải thiện tình trạng tắc nghẽn và giảm chi phí logistics. Định hướng phát triển của các loại hình kết cấu hạ tầng giao thông:

a) Đường bộ: Xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, Dầu Giây - Liên Khương, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (nghiên cứu định hướng kết nối với tuyến cao tốc của phía Campuchia phù hợp với nhu cầu vận tải), Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, Gò Dầu - Xa Mát; mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương. Hoàn thành khép kín đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu quy hoạch tuyến đường vành đai 5 Thành phố Hồ Chí Minh kết nối các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước và kết nối liên vùng với các tỉnh Tây Nguyên. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ, các tuyến đường bộ ven biển, tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trong vùng theo quy hoạch. Tăng cường liên kết, phối hợp trong đầu tư xây dựng mạng lưới cầu, đường của các địa phương tạo thành các tuyến liên tỉnh kết nối vùng, ưu tiên các tuyến kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai (kết nối qua khu vực thành phố Thủ Đức - huyện Nhơn Trạch (gắn với cầu Cát Lái), khu vực thành phố Thủ Đức - huyện Long Thành và khu vực quận 7 - huyện Nhơn Trạch), Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương (qua khu vực huyện Củ Chi - thành phố Thủ Dầu Một và khu vực huyện Hóc Môn - thành phố Thuận An), Đồng Nai - Bình Dương (qua khu vực huyện Vĩnh Cửu - thành phố Tân Uyên), Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (qua các khu vực huyện Nhơn Trạch - thị xã Phú Mỹ, huyện Cẩm Mỹ - huyện Châu Đức, huyện Cẩm Mỹ - huyện Xuyên Mộc), Bình Dương - Bình Phước (qua khu vực huyện Dầu Tiếng - huyện Hớn Quản, huyện Dầu Tiếng - thị xã Chơn Thành, huyện Bàu Bàng - thị xã Chơn Thành), Bình Phước - Tây Ninh (qua khu vực huyện Hớn Quản - huyện Tân Châu), Tây Ninh - Bình Dương (qua khu vực huyện Dương Minh Châu - huyện Dầu Tiếng, thị xã Trảng Bàng - huyện Dầu Tiếng).

b) Đường sắt: Xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đoạn Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh; các tuyến đường sắt kết nối cảng biển Biên Hòa - Vũng Tàu, tuyến kết nối liên vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành kết nối với cảng hàng không quốc tế Long Thành, tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh kết nối với Campuchia. Xây dựng các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và kéo dài đến các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai; nghiên cứu kéo dài đến Bà Rịa - Vũng Tàu khi điều kiện phù hợp. Nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt Mộc Bài (Tây Ninh) - Bàu Bàng (Bình Dương) và các đoạn tuyến kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia hướng ra cảng biển cửa ngõ quốc tế.

c) Cảng biển: Tập trung phát triển khu bến cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải và xây dựng khu bến cảng Cần Giuộc thực sự trở thành cảng trung chuyển quốc tế. Phát triển cụm cảng Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu có quy mô lớn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực phụ cận.

d) Cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch, tập trung trên các hành lang vận tải chính: Khu vực kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (trong vành đai 4); hành lang vận tải Đắc Nông - Bình Phước - Thành phố Hồ Chí Minh; hành lang vận tải Tây Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh; hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu.

đ) Đường thủy nội địa: Phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn giao thông, kết nối hiệu quả giữa các phương thức vận tải. Chú trọng cải tạo, nâng cấp luồng tuyến, nâng tấp không các cầu trên các tuyến vận tải chính yếu bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ, ưu tiên các tuyến có lưu lượng vận tải lớn như tuyến Vũng Tàu - Thị Vải - Sài Gòn, tuyến Sài Gòn - Hiếu Liêm (sông Đồng Nai). Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách; hiện đại hóa các cảng chính, cảng chuyên dùng. Hình thành các tuyến vận tải khách công cộng đô thị kết hợp du lịch.

e) Cảng hàng không: Xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1, công suất 25 triệu hành khách/năm. Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đạt công suất 50 triệu hành khách/năm, cảng hàng không Côn Đảo đạt công suất 2 triệu hành khách/năm. Đưa cảng hàng không Biên Hòa vào khai thác lưỡng dụng, công suất 5 triệu hành khách/năm. Nghiên cứu xem xét, đầu tư xây dựng các sân bay lưỡng dụng, sân bay chuyên dùng tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, sân bay tiềm năng tại tỉnh Tây Ninh phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế.

Tầm nhìn đến năm 2050: đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư, Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; các tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh, đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên từ Đà Nẵng đến Bình Phước. Hoàn thành đầu tư các bến cảng Cái Mép Hạ. Đầu tư xây dựng hình thành các khu bến cảng mới tại Cần Giờ. Hoàn thành công tác di dời các bến cảng trên sông Sài Gòn và tiếp tục nghiên cứu di dời các khu bến khác phù hợp với phát triển không gian đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thành xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành với công suất 100 triệu hành khách/năm. Tiếp tục nâng công suất phục vụ của các cảng hàng không Côn Đảo và Biên Hòa.

2. Mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng

- Xây dựng, đưa vào vận hành các nhà máy điện theo quy hoạch. Phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện, giá thành điện năng và chi phí truyền tải hợp lý. Xây dựng mới, nâng công suất các trạm biến áp 500 kV, 220 kV, tăng cường các tuyến truyền tải điện liên vùng, nội vùng đồng bộ với phát triển nguồn điện, đáp ứng nhu cầu cấp điện cho các phụ tải trong vùng và nâng cao độ tin cậy của hệ thống điện. Từng bước thực hiện chuyển đổi năng lượng theo hướng sử dụng nguồn nhiên liệu xanh, sạch và nâng cao mức độ hiệu quả trong tiêu thụ năng lượng;

- Tiếp tục khai thác các kho xăng dầu hiện có, mở rộng, nâng công suất một số kho xăng dầu đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Có phương án di dời, giải tỏa một số kho không phù hợp về mặt vị trí và điều kiện tại địa phương. Đầu tư xây dựng mới các kho xăng dầu, kho dự trữ quốc gia, kho thương mại theo quy hoạch. Xây dựng kho dự trữ quốc gia cho sản phẩm xăng dầu tại Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu); xây dựng kho nhiên liệu bay đầu nguồn tại khu vực Gò Dầu (Đồng Nai) và tuyến ống nối với kho nhiên liệu bay của Cảng hàng không quốc tế Long Thành;

- Tiếp tục khai thác các kho khí đốt (LPG, LNG) hiện có, mở rộng và xây dựng mới các kho theo quy hoạch. Phát triển hệ thống kho LNG là kho nguyên liệu cho các nhà máy điện. Khai thác các tuyến ống dẫn khí hiện có bảo đảm an toàn theo quy định. Xây dựng mới các tuyến dẫn khí thiên nhiên từ nhà máy xử lý khí và các kho LNG nhập khẩu để cung cấp cho các nhà máy điện khí và các hộ tiêu thụ công nghiệp.

3. Hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai; cấp, thoát nước

- Phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp nước, tiêu thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, thủy điện theo hướng đa mục tiêu, cấp nước cho các mục đích dân sinh, sản xuất và các mục tiêu khác: du lịch, điện mặt trời, thủy sản, giao thông thủy, thủy điện... Sử dụng hiệu quả vùng bán ngập nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng công trình và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về môi trường, phù hợp với các quy định về khai thác và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi;

- Bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, cấp và tạo nguồn cho đô thị, công nghiệp từ hệ thống công trình thủy lợi. Cấp nước chủ động cho khoảng 100 nghìn ha diện tích đất trồng lúa 02 vụ với mức đảm bảo tưới 85%; diện tích cây trồng cạn được tưới đạt 70% trong tổng số khoảng 315 nghìn ha;

- Xem xét giảm bớt lượng chuyển nước từ sông Sài Gòn chuyển sang sông Vàm Cỏ Đông (xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ để kiểm soát nguồn nước), dành cho nhu cầu ngày càng cao ở vùng thượng lưu hồ Dầu Tiếng, hạ lưu sông Đồng Nai - Sài Gòn, với các đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa và Bình Dương;

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa để bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước và phòng, chống lũ cho Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước;

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số hồ chứa lớn như hồ Cây Chanh trên sông Bé điều hòa nguồn nước sau hồ Phước Hòa, hồ sông Ray 2 trên sông Ray; tiếp tục đầu tư các hồ chứa nước quy mô nhỏ, phân tán ở các vùng trung du. Xây dựng hệ thống thủy lợi tiếp nhận nước từ hồ La Ngà 3 (tỉnh Bình Thuận) chuyển qua Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực, đảm bảo tiêu thoát ở vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp với tần suất từ 5% đến 10%; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị vào hệ thống công trình thủy lợi. Đến năm 2030 tiêu thoát cho khoảng 130 nghìn ha sản xuất nông nghiệp vùng hạ du sông Đồng Nai - Sài Gòn - Vàm Cỏ Đông, tiêu nước cho khoảng 82 nghìn ha đất đô thị, khu công nghiệp (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Biên Hòa); đến năm 2050 không còn tình trạng ngập úng. Nạo vét các tuyến kênh trực tăng khả năng tiêu thoát nước từ sông Sài Gòn qua sông Vàm Cỏ Đông; mở rộng các tuyến kênh tiêu, thoát nước ra các sông Đồng Nai, Sài Gòn;

- Hoàn chỉnh hệ thống công trình chống ngập Thành phố Hồ Chí Minh theo quy hoạch, xây dựng và nâng cấp các tuyến đê ven sông Sài Gòn, Đồng Nai, Vàm Cỏ Đông. Xây dựng hệ thống công trình chỉnh trị, phòng, chống sạt lở bờ các sông lớn nhằm bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các thành phố, khu đô thị, khu dân cư trong vùng. Xây dựng hoàn thiện các tuyến đê để bảo vệ và chống xâm thực bờ biển của Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy hoạch;

- Đối với khu vực ven biển, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để chủ động cấp nước, kiểm soát mặn, xây dựng kênh cấp nước, kênh tiêu nước riêng biệt hoặc thực hiện tuần hoàn nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản; tiếp tục xây dựng, củng cố, nâng cấp các tuyến đê biển, hệ thống kè chắn sóng gây bồi kết hợp với trồng rừng bảo vệ đê biển, bờ biển.

4. Hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu đưa vùng Đông Nam Bộ đi đầu trong chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, thông minh và đồng bộ với các loại hạ tầng khác; thông minh hóa các hạ tầng kỹ thuật truyền thông thông qua ứng dụng công nghệ số trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng và vận hành để nâng cao hiệu quả đầu tư hệ thống hạ tầng vùng, kết nối thông suốt với hạ tầng quốc gia;

- Xây dựng các trung tâm bưu chính khu vực tại vùng, tích hợp các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa hoạt động giao nhận, vận chuyển cho hoạt động thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh về logistics. Chú trọng khai thác hạ tầng bưu chính để phát triển các dịch vụ mới nhằm mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính;

- Xây dựng hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng công nghệ như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng, trong đó: Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G) trên phạm vi toàn vùng. Nâng cấp hạ tầng Internet, tối ưu hóa bố cục cấu trúc mạng. Phát triển các điểm trung chuyển Internet (IXP, VNIX) tại khu vực, triển khai kết nối các trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tới trạm trung chuyển Internet (IXP), tới trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) bao gồm xây dựng thành phố thông minh, nhà máy thông minh, giao thông vận tải... để phục vụ cho phát triển kinh tế số và xã hội số;

- Kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số quy mô quốc gia phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn vùng. Hình thành Trung tâm dữ liệu lớn vùng và Trung tâm chuyển đổi số vùng, tập trung các doanh nghiệp số, phát triển, thí điểm các giải pháp số, sản phẩm số, bồi dưỡng nguồn nhân lực số của vùng để lan toả đến các địa phương trong vùng. Các doanh nghiệp công nghệ số và các chủ quản hệ thống thông tin trong vùng Đông Nam Bộ đi đầu trong làm chủ và phát triển công nghệ về giám sát, đảm bảo an toàn thông tin mạng cho Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số phát triển bền vững;

- Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng hệ thống công viên phần mềm tại các đô thị của vùng. Hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu với các khu công nghệ thông tin tập

trung, khu công nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo.

5. Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện của vùng, hướng tới đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới. Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò địa phương trung tâm vùng, tập trung các cụm công trình thực hiện chức năng vùng trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy;

- Xây dựng trung tâm chỉ huy, trụ sở, doanh trại, công trình hiện đại cho các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo ổn định lâu dài và phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các địa phương trong vùng. Phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước, hạ tầng giao thông, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6. Hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền

Phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trong vùng nhằm thúc đẩy, mở rộng hợp tác đầu tư, kinh doanh qua biên giới, phát triển thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ qua cửa khẩu; đẩy mạnh hợp tác phát triển gắn với hành lang kinh tế phía Nam trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS).

7. Kết cấu hạ tầng xã hội cấp vùng

a) Về mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục đại học;

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, trong đó quan tâm đúng mức đến các khu vực tập trung các khu công nghiệp, khu đô thị có sự gia tăng nhanh về dân số; bảo đảm đủ trường, lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Xây dựng trường chuẩn quốc gia theo yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Đông Nam Bộ, với trung tâm là Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ cấu hợp lý, chất lượng đào tạo cao, hiệu quả, công bằng và hiện đại, phù hợp với xu thế của thế giới; tập trung đào

tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong tất cả lĩnh vực trọng điểm cho vùng và cả nước. Ưu tiên một số khối ngành đào tạo: Công nghệ thông tin; Điện tử; Vi mạch bán dẫn; Cơ khí; Hóa chất; Năng lượng; Công nghệ sinh học; Tài chính - ngân hàng; Logistics; Du lịch; Nông nghiệp; Khoa học dữ liệu; Y tế, khoa học sức khỏe, dược phẩm; Khoa học quản lý;

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của vùng cao hơn bình quân chung cả nước. Chuẩn hóa các cơ sở giáo dục đại học, khuyến khích các cơ sở giáo dục tham gia xếp hạng và đạt thứ hạng cao trong các bảng xếp hạng quốc tế uy tín. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn;

- Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức và một số trường đại học lớn theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu châu Á. Phát triển đồng bộ hệ thống đào tạo sư phạm gắn với nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cũng như nhu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phổ thông. Đẩy mạnh phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học tư thục. Hình thành một số cụm đại học dọc hai bên đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh để mở rộng và liên kết không gian phát triển. Xây dựng các khu đô thị đại học theo hướng tích hợp đa chức năng, ưu tiên phát triển đô thị đại học gắn với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng về loại hình, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực có kỹ năng cho phát triển các ngành kinh tế. Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở và linh hoạt; bảo đảm hợp lý về quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng. Hình thành các trung tâm quốc gia và trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn vùng. Đến năm 2030, vùng Đông Nam Bộ có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, 02 - 03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập bảo đảm quyền và đáp ứng nhu cầu được học tập của người khuyết tật. Có 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập/giáo dục chuyên biệt thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chuyên môn cho vùng đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập; tập trung ngân sách

nhà nước cho cơ sở, trung tâm tại các vùng khó khăn; đồng thời tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống cơ sở ngoài công lập đáp ứng nhu cầu đa dạng về giáo dục đặc biệt tại các địa bàn trong vùng.

b) Về mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

- Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe vùng nhằm nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân trong vùng, bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe người dân giữa các khu vực, tăng cường khả năng tiếp cận của người dân trong vùng và các vùng lân cận đối với dịch vụ y tế chuyên sâu;

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật, các cơ sở khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh ở từng tỉnh, thành phố trong vùng. Nghiên cứu, thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tăng cường đầu tư phát triển các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong và ngoài nước. Nghiên cứu phân bổ, bố trí một số bệnh viện chuyên sâu tại các địa phương trong vùng tại các địa điểm thuận lợi về giao thông liên tỉnh, liên vùng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận cho người bệnh các địa phương và giảm tải cho Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục duy trì, phát triển, nâng cao năng lực và bảo đảm hiệu quả hoạt động bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư các tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc gia, quốc tế; hướng tới mục tiêu đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe khu vực ASEAN;

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, y tế thông minh để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành và tối đa hóa lợi ích cho người dân. Di dời các cơ sở khám chữa bệnh có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi các khu vực đông dân cư.

c) Về mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Gìn giữ và phát triển các không gian văn hóa đặc thù gắn với bảo tồn, phát huy các di tích, di sản, giá trị văn hóa trong vùng. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa đủ khả năng tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc gia và quốc tế, tập trung đầu tư các thiết chế, công trình văn hóa mang tầm khu vực, thế giới; tạo ra sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân và hướng tới mục tiêu đưa Đông Nam Bộ trở thành trung tâm văn hóa hàng đầu của quốc gia và khu vực. Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, phát triển

các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế. Đến năm 2030, 100% đơn vị hành chính từ cấp tỉnh đến xã trên địa bàn vùng có đủ trung tâm văn hóa (trung tâm văn hóa cấp tỉnh; trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện, cấp xã; nhà văn hóa - khu thể thao thôn);

- Phát triển mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao của vùng đồng bộ, hiện đại, có một số công trình xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng được công tác huấn luyện, luyện tập của vận động viên cũng như yêu cầu tổ chức các sự kiện thể dục thể thao mang tầm khu vực và châu lục. Xây dựng Khu Liên hợp thể thao Quốc gia Rạch Chiếc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng một số công trình, khu liên hợp thể dục thể thao tại các tỉnh có điều kiện, đủ khả năng tham gia tổ chức các sự kiện thể thao cấp vùng, quốc gia và khu vực.

d) Về mạng lưới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Chủ động, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, sinh học, tự động hoá, vật liệu mới. Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trên địa bàn vùng, nâng cao năng suất, chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

- Đầu tư cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động ứng dụng công nghệ, dịch vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế của vùng Đông Nam Bộ về phát triển công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ hiện đại. Phát triển mạnh hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng; tập trung hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Tăng cường liên kết hệ thống đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước. Hình thành trung tâm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế ở một số trường đại học; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Đầu tư trọng điểm cho các tổ chức khoa học công nghệ thực hiện vai trò gắn kết các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở cấp vùng và địa phương;

- Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng thông tin thị trường khoa học và công nghệ. Phát triển các sàn giao dịch công nghệ, trong đó lấy sàn giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh làm sàn giao dịch công nghệ trọng điểm để kết nối các sàn giao dịch công nghệ trong vùng Đông Nam Bộ. Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; liên kết các

sản giao dịch công nghệ quốc gia, các sản giao dịch công nghệ vùng và địa phương, thực hiện liên thông giữa thị trường khoa học và công nghệ trong nước với thị trường quốc tế. Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung về thị trường khoa học và công nghệ, từng bước liên thông, tích hợp với các nền tảng kỹ thuật về thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

đ) Về cơ sở trợ giúp xã hội; nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công

- Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội vùng Đông Nam Bộ bảo đảm đủ năng lực, quy mô đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội tại cơ sở của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Trong giai đoạn đến năm 2030, duy trì và phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội cấp tỉnh, thành phố trong vùng như hiện nay;

- Phát triển Trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cơ sở bảo trợ xã hội quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở bảo trợ xã hội trong vùng, đảm bảo cung cấp dịch vụ công trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế theo đặc thù từng nhóm đối tượng;

- Duy trì mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công cấp quốc gia và cấp tỉnh, thành phố trong vùng; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất để bảo đảm có đủ năng lực để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công theo quy định.

e) Về hạ tầng thương mại và logistics

Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại hài hòa, đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện kết nối thương mại nhanh, hiệu quả giữa các địa phương trong vùng và với các vùng trên cả nước. Xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, hình thành các trung tâm triển lãm tại Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu cùng với Thành phố Hồ Chí Minh tạo thành một tổ hợp triển lãm cấp quốc gia, quốc tế. Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, khu vực Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), khu vực Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

g) Về báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại

Tổ chức các cơ quan báo chí trong vùng theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng. Xây dựng và phát triển một số nhà xuất bản trọng điểm có ảnh hưởng lớn, phân bố hợp lý, hình thành mạng lưới cơ sở phát hành xuất bản phẩm đến cấp huyện, xã. Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác với người dân, bảo đảm cung cấp thông tin và người dân được tiếp cận thông tin. 100% các địa phương có cửa khẩu quốc tế thiết lập cụm thông tin đối ngoại.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương hướng bảo vệ môi trường

- Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường. Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Bảo vệ các diện tích rừng tự nhiên hiện có; phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển. Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cac-bon thấp góp phần bảo đảm an ninh môi trường, nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Tăng cường liên kết vùng trong công tác bảo vệ môi trường, tập trung giải quyết căn bản các vấn đề môi trường nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm tại các dòng sông, tình trạng ngập úng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường;

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương và Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai triển khai các giải pháp tăng cường vai trò điều phối, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước mặt; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các địa phương ở khu vực thượng nguồn và hạ nguồn trong công tác xử lý nước thải;

- Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt; thúc đẩy thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm nguồn nước mặt tại các ao, hồ, sông, kênh, rạch trong các đô thị, khu dân cư, làng nghề;

- Thúc đẩy hợp tác liên tỉnh, liên vùng về điều tra cơ bản, quản lý, sử dụng bền vững biển.

2. Phương hướng tổ chức không gian xử lý chất thải tập trung cấp vùng

Xây dựng 03 khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc tại huyện Củ Chi và khu liên hợp xử lý chất thải và nghĩa trang Đa Phước tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương tại thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

a) Phương hướng phát triển bền vững ba loại rừng

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thiết lập lâm phận ổn định theo hướng tăng cường tính kết nối các hệ sinh thái có giá trị bảo tồn, phòng hộ môi trường cao. Thiết lập các hành lang kết nối theo

hướng nâng cao giá trị đa dạng sinh học, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; đảm bảo yêu cầu phòng hộ đầu nguồn, chống sạt lở, chắn sóng, lấn biển, chắn gió... bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, vùng nông thôn trong bối cảnh biến đổi khí hậu;

- Xem xét chuyển đổi một số diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, điều chỉnh phân loại rừng theo chức năng, mục đích sử dụng nhằm tối ưu hóa hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội và môi trường và phù hợp với thông lệ quốc tế;

- Rà soát, điều chỉnh diện tích rừng sản xuất theo hướng phát huy lợi thế các địa phương về điều kiện đất đai, khí hậu, tài nguyên rừng; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn có năng suất và chất lượng cao với sự tham gia của các thành phần kinh tế.

b) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường lâm nghiệp theo quy định; xây dựng mới hệ thống đường lâm nghiệp, ưu tiên khu vực vùng sâu, xa, điều kiện khó khăn, những vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống đường lâm nghiệp kết hợp đường tuần tra, bảo vệ rừng. Xây dựng mới các công trình hạ tầng lâm sinh phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

4. Phương hướng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nâng cao khả năng chống chịu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của các hoạt động kinh tế; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng trong các ngành, lĩnh vực;

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước, hoàn thiện hệ thống kênh dẫn nước; vận hành an toàn, hiệu quả các hồ chứa nước đặc biệt là hồ Dầu Tiếng để chủ động phòng chống lũ, hạn hán, bảo đảm an toàn vùng hạ du. Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực diễn biến sạt lở phức tạp. Tăng cường quản lý rừng bền vững, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển;

- Phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung phòng chống ngập úng do mưa lớn và triều cường. Quy hoạch hạ tầng, đô thị, nhà ở phải gắn với yêu cầu phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, khu dân cư, khu đô thị xanh;

- Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực. Ưu tiên nghiên cứu, áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường trong các ngành công nghiệp để giảm phát thải.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, LƯU VỰC SÔNG TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

1. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước

- Các nguồn nước trong vùng có các chức năng cơ bản sau: cấp nước cho sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ; cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cấp nước cho sản xuất công nghiệp; cấp nước cho thủy điện, du lịch; giao thông thủy; tạo cảnh quan, môi trường; bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học; trữ, tiêu thoát lũ, tiêu thoát nước;

- Chức năng từng nguồn nước, đoạn sông, kênh được xác định trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai, quy hoạch tỉnh.

2. Định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước

- Trong trường hợp bình thường, tỷ lệ phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu cho các đối tượng khai thác, sử dụng trong kỳ quy hoạch;

- Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan quyết định phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước bảo đảm đúng quy định. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng tổ chức thực hiện việc điều hoà, phân phối nguồn nước hiện có trên địa bàn bảo đảm hài hòa, hiệu quả lượng nguồn nước giữa các tháng trong mùa cạn như sau:

+ Trường hợp dự báo lượng nước đến giảm và lượng nước trữ hiện có trong vùng đạt từ 50% đến 85% (thiếu nước) so với điều kiện bình thường (hoặc trung bình nhiều năm), phân bổ lượng nước ưu tiên cấp đủ nước cho sinh hoạt, ngành sản xuất có giá trị kinh tế cao tiêu tốn ít nước và hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm nước cho an ninh năng lượng nếu có huy động;

+ Trường hợp dự báo lượng nước đến và lượng nước trữ hiện có trong vùng đạt dưới 50% (thiếu nước nghiêm trọng), ưu tiên cấp đủ nước cho sinh hoạt và đảm bảo nước cho an ninh năng lượng nếu có yêu cầu, xem xét giảm lượng nước tưới cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các ngành sử dụng nước khác có tiêu tốn nhiều nước, chưa cấp thiết.

3. Định hướng phát triển tài nguyên nước

- Tài nguyên nước mặt là nguồn cung cấp chính cho phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Nghiên cứu, bổ sung năng lực điều tiết nước cho các hồ chứa lớn như Trị An, Thác Mơ, Cần Đơn, Dầu Tiếng, Phước Hòa, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nước cho các công trình

khai thác nước cho nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành sử dụng nước khác trong vùng. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nước giữa các vùng trong lưu vực sông Đồng Nai như Phước Hòa sang Dầu Tiếng, Dầu Tiếng sang Vàm Cỏ; xem xét hài hòa lợi ích giữa kinh tế và an sinh xã hội của vấn đề chuyển nước trên lưu vực;

- Ưu tiên phục hồi, bảo vệ nguồn nước là các sông nhánh phía hạ lưu sông Sài Gòn, Đồng Nai đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Hạn chế gia tăng lưu lượng và rà soát điều chỉnh giảm khai thác nước dưới đất khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Bảo vệ miền cấp của nước dưới đất, đặc biệt các vùng lộ của các tầng chứa nước thuộc khu vực Bình Phước, Bình Dương và Đồng Nai;

- Duy trì dòng chảy tối thiểu trên các sông đảm bảo giao thông thủy, đa dạng sinh học và hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt là khu vực dự trữ sinh quyển Cần Giờ và vườn quốc gia Cát Tiên. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi và bảo vệ hành lang thoát lũ của sông, đặc biệt là việc lấn, chiếm lòng, bờ bãi sông ở khu vực đô thị như Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Định hướng bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt

- Kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo vệ chất lượng nước trên các sông, suối, kênh, rạch, đặc biệt là các khu vực có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao;

- Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu cho các sông, suối và giám sát chặt chẽ để duy trì được dòng chảy tối thiểu. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất; điều tra, khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; phục hồi các tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo vệ miền cấp nước cho nước dưới đất;

- Nghiên cứu áp dụng các giải pháp để tăng cường khả năng trữ nước ngọt, giảm dần việc khai thác nước dưới đất; nghiên cứu áp dụng các giải pháp lưu giữ nước mưa ở các khu đô thị, dân cư tập trung nhằm giảm bớt tình trạng ngập úng, đồng thời bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất tại các khu vực đô thị thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

- Xác định hành lang bảo vệ nguồn nước, ưu tiên đối với nguồn nước chảy qua các khu đô thị, khu đông dân cư, khu vực nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt, duy trì hệ sinh thái thủy sinh, bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử;

- Tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; dự báo, cảnh báo mức độ thiếu nước, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, xâm nhập mặn; xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu, giám sát tài nguyên nước.

5. Định hướng phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra

- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước. Xây dựng bản đồ nguy cơ xảy ra sạt lở lòng, bờ, bãi sông đất; lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm cho một số vị trí có nguy cơ cao xảy ra sạt lở bờ sông. Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác cát, sỏi, các hoạt động ven sông như xây dựng khu đô thị, khu dân cư, các hoạt động sản xuất khác có tác động đến gia tăng sạt lở lòng, bờ bãi sông;

- Lập bản đồ phân vùng lún, vùng nguy cơ sụt lún và cảnh báo sụt lún mặt đất cho các khu vực trọng điểm như Thành phố Hồ Chí Minh.

IX. PHƯƠNG HƯỚNG ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Tập trung xây dựng thể trận và các tiềm lực trong khu vực phòng thủ vững chắc, lấy xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần làm cơ sở, tiềm lực kinh tế giữ vai trò nền tảng và tiềm lực quân sự, an ninh giữ vai trò cốt lõi. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

2. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thể trận khu vực phòng thủ trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được quy định tại hệ thống các văn bản, bản đồ do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”; phòng ngừa, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới; hải đội dân quân thường trực.

X. DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định các dự án có tính chất quan trọng, tập trung đầu tư những dự án mang tính trọng điểm đã được phê duyệt tại các quy hoạch cấp quốc gia; dự án kết nối giữa các địa phương trong vùng, liên vùng chưa được xác định trong quy hoạch ngành quốc gia và các dự án quan trọng cấp vùng nhằm tạo động lực tăng trưởng và thúc đẩy liên kết vùng. Đặc biệt chú trọng những dự án có khả năng thu hút nguồn vốn xã hội hoá (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng

- Phát huy hiệu quả vai trò của Hội đồng Điều phối vùng Đông Nam Bộ trong điều phối liên kết phát triển vùng. Xây dựng kế hoạch điều phối liên kết vùng hàng năm trên cơ sở các định hướng, giải pháp đã được nêu trong quy hoạch vùng. Nghiên cứu thành lập một số tiểu ban theo yêu cầu thực tiễn để nâng cao hiệu quả điều phối;

- Thực hiện cơ chế tham vấn giữa các địa phương trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công, quá trình lập và triển khai các quy hoạch, chương trình, đề án trên địa bàn để hiện thực hóa các định hướng liên kết, hợp tác phát triển. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí theo dõi, giám sát, quản lý chung đối với các không gian liên tỉnh phục vụ triển khai các hoạt động liên kết. Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò đầu tàu trong liên kết phát triển, tập trung vào liên kết phát triển theo các hành lang kinh tế, hành lang sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kết nối doanh nghiệp và thị trường để tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ và các khu vực, địa phương trong cả nước;

- Phát huy vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, hình thành các hội đồng ngành hàng với sự tham gia của các đại diện chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp trong các ngành sản xuất, kinh doanh để thúc đẩy liên kết vùng.

b) Cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu mở rộng việc áp dụng một số cơ chế, chính sách phù hợp được quy định tại Nghị quyết cho các địa phương khác trong vùng;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (trước mắt kéo dài đến tỉnh Bình Dương, Đồng Nai);

- Nghiên cứu thực hiện phân cấp, phân quyền cho các địa phương có năng lực, kinh nghiệm thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng liên vùng;

- Nghiên cứu tăng tỷ lệ ngân sách để lại cho Thành phố Hồ Chí Minh - đô thị hạt nhân, trung tâm phát triển lớn nhất của vùng để tạo điều kiện cho thành phố có nguồn lực cho đầu tư phát triển, thực hiện vai trò đầu tàu, dẫn dắt phát triển toàn vùng;

- Nghiên cứu hình thành Quỹ phát triển hạ tầng vùng với cơ chế phù hợp để tăng cường huy động nguồn lực đầu tư cho các dự án kết cấu hạ tầng có tác động lớn thúc đẩy liên kết và phát triển vùng;

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế;

- Nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định liên quan về quản lý hàng hải để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng Cần Giờ vận hành theo chức năng cảng trung chuyển quốc tế, có sức cạnh tranh với các cảng trong khu vực;

- Nghiên cứu, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, có tính đến quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ quá trình chuyển đổi công năng các khu công nghiệp, di dời sản xuất của các doanh nghiệp gắn với tổ chức lại không gian công nghiệp - đô thị giữa các tiểu vùng và phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng số, phát triển nhanh nguồn nhân lực số trong vùng;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các loại hình nhà ở thương mại có giá cả phù hợp với khả năng chi trả của người dân trên địa bàn vùng.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tập trung nguồn lực của Nhà nước để đầu tư, phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, nhất là hạ tầng giao thông liên vùng, và hạ tầng xã hội. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn giữa trung ương và địa phương, có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh huy động nguồn lực từ hợp tác công - tư, xã hội hóa; ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư với vai trò là vốn môi, đầu tư các dự án không thu hút được nguồn vốn ngoài ngân sách;

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế - xã hội phù hợp với năng lực của các địa phương trong vùng. Xây dựng cơ chế thí điểm huy động nguồn lực chung của các địa phương trong vùng cho các chương trình, dự án hợp tác vùng;

- Khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển. Nghiên cứu, triển khai cơ chế tạo quỹ đất để đầu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ hai bên tuyến đường bộ cao tốc, các công trình nhà ga của tuyến đường sắt qua đô thị gắn với mô hình phát triển đô thị theo TOD;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư chung của vùng. Thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng thu hút các dự án công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng lao động, tài nguyên và thân thiện với môi trường;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, có lợi thế cạnh tranh vượt trội, phục vụ cho doanh nghiệp và người dân. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư như quỹ đất sạch, nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung chính sách và các biện pháp để phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển ngành dịch vụ tài chính bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, để tăng cường thu hút vốn đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Điều chỉnh, cải tiến nội dung, giáo trình đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nội dung đào tạo, giảng dạy với xu thế phát triển của khoa học - công nghệ;

- Ưu tiên việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực. Tăng cường đầu tư cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm sớm đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển đào tạo, dạy nghề;

- Đầu tư mạnh mẽ cho đào tạo nhân lực số, tập trung vào các ngành nghề như an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo trực tuyến chất lượng cao; đi đôi với phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân;

- Xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động, nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý, nhà đầu tư, doanh nghiệp và các cơ sở

đào tạo nghề để thực hiện chức năng làm cầu nối liên kết giữa cung và cầu lao động, giữa người lao động, cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng lao động. Làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm;

- Thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ để thu hút và giữ chân đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao làm việc tại vùng. Có chính sách hỗ trợ cho các cơ sở, chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

a) Về môi trường

- Chủ động kiểm soát các nguồn thải lớn, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong vùng; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; thiết lập các cơ chế kiểm soát liên ngành, liên vùng, ngăn chặn các hoạt động phát thải gây hại đến môi trường trong vùng và liên vùng;

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung để thu gom, xử lý tối đa chất thải rắn phát sinh tại các địa phương; áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, hạn chế xử lý bằng phương pháp chôn lấp;

- Tăng cường đầu tư các nhà máy thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung, trước mắt ưu tiên cho các đô thị có hoạt động xả thải ra lưu vực sông Đồng Nai và xử lý nước thải, cải tạo, khôi phục lại các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng bằng các nguồn vốn Nhà nước và xã hội hóa;

- Kiểm soát các nguồn phát sinh khí thải công nghiệp, khí thải giao thông bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia; tăng cường quản lý chất lượng môi trường không khí, đặc biệt chú trọng các đô thị lớn;

- Đẩy mạnh xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất ở các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, các điểm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa hoặc di dời. Hoàn thành xử lý các khu vực bị ô nhiễm đi-ô-xin do chiến tranh ở sân bay Biên Hòa (Đồng Nai).

b) Về khoa học, công nghệ

- Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Phát triển mạnh hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các địa phương. Hoàn thiện cơ chế gắn kết hoạt động nghiên cứu với triển khai và chuyển giao công nghệ để ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống;

- Tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học, gắn lợi ích hoạt động nghiên cứu triển khai, sản xuất thử nghiệm với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, năng lượng, cơ khí chế tạo, hóa chất, vật liệu... và những lĩnh vực thế mạnh của vùng;

- Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp thu hút đầu tư và tài chính cho triển khai hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ tương xứng với nhiệm vụ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng và khu công nghệ cao, khu đổi mới sáng tạo; nhân rộng mô hình các phòng thí nghiệm chế tạo, vườn ươm doanh nghiệp và tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

a) Đối với đô thị

- Tăng cường phối hợp liên tỉnh trong lập và triển khai quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, phát triển mở rộng không gian đô thị, bảo đảm sự hài hòa, tính đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

- Quản lý chặt chẽ không gian dự trữ cho phát triển đô thị (cả không gian ngầm, không gian chiều cao), bố trí quỹ đất cho phát triển các đầu mối giao thông, các hạ tầng hiện đại gắn với mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD);

- Kiểm soát tốt việc chuyển dịch, tập trung các chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ theo đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với khu vực ven biển, chú trọng giám sát chặt chẽ các hoạt động xây dựng và các hoạt động gây ô nhiễm, bảo tồn cảnh quan sinh thái và môi trường biển.

b) Đối với nông thôn

- Đối với vùng nông thôn ven đô và có khả năng đô thị hóa: tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, quy hoạch đi trước một bước nhằm thiết lập khung hạ tầng cơ bản theo tiêu chuẩn đô thị, chuẩn bị cho quá trình đô thị hóa;

- Đối với vùng nông thôn gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung: phát triển các đô thị nhỏ và vừa, kết nối đồng bộ với các quy hoạch nông thôn mới đảm bảo cung ứng các dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;

- Đối với vùng nông thôn truyền thống: kết hợp hài hòa giữa phát triển và bảo tồn các công trình văn hóa, di tích lịch sử, các không gian văn hóa truyền thống;

- Đối với khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa: tăng cường nâng cấp hạ tầng cơ bản, từng bước hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện phát triển.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Việc tổ chức triển khai quy hoạch cần được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng các quy định của pháp luật, nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư cần có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành nhằm hoàn thành mục tiêu quy hoạch đề ra; lưu ý trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư đối với bến cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, cần nghiên cứu xem xét lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, có năng lực, kinh nghiệm để đầu tư tổng thể nhằm phát huy tối đa năng lực khai thác của hệ thống cảng biển, cạnh tranh lành mạnh với các cảng biển trong khu vực Đông Nam Á;

- Hội đồng điều phối vùng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng theo thứ tự ưu tiên để phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ;

- Các bộ, cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, dự án được phân cấp theo quy định của pháp luật; khẩn trương hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin về các hoạt động hợp tác đầu tư (định hướng đầu tư, các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư; số liệu về đầu tư nước ngoài, đầu tư từ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong và ngoài vùng);

- Hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch, cơ sở dữ liệu về kinh tế, xã hội, môi trường phục vụ thúc đẩy phát triển và liên kết vùng. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm triển lãm quy hoạch trên địa bàn vùng để giới thiệu về quy hoạch vùng, các quy hoạch tỉnh và quá trình thực hiện quy hoạch, phục vụ công tác công bố, công khai quy hoạch và quảng bá, xúc tiến đầu tư.

XII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch vùng kèm theo Quyết định phê duyệt tuân thủ theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ có trách nhiệm:

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án và các hoạt động liên kết vùng bảo đảm tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển bền vững vùng; cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ nhằm thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng; thực hiện điều phối hoạt động liên kết ở quy mô cấp vùng, tiểu vùng và từ hai địa phương trở lên theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao đúng quy định của pháp luật;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực, thu hút đầu tư; điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công để định hướng, dẫn dắt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, thúc đẩy đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, cấp bách, quan trọng của vùng phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch vùng;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng và mục tiêu của quy hoạch vùng;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đối với các dự án quan trọng của vùng; tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

4. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

- a) Tổ chức thực hiện quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền;
- b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- c) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan trong vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý;
- d) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng của vùng thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng; tham gia ý kiến đối với Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng

- a) Rà soát nội dung quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch vùng được phê duyệt; nếu có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn, thì tiến hành điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội;
- b) Tham gia ý kiến về kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ trước khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch;
- d) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;
- đ) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng.

6. Sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm rà soát nội dung Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nếu nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cao hơn thì tiến hành điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Đông Nam Bộ; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2). *Hop_{gđ}*



THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



Phụ lục I
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 379/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Phân kỳ thực hiện	
		Giai đoạn 2021 - 2030	Giai đoạn sau 2030
I	Các dự án được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia		
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	X	
2	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	X	X
3	Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Đường bộ cao tốc Đông - Tây)	X	
4	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (Đường bộ cao tốc Đông - Tây)	X	
5	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	X	X
6	Đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	X	
7	Đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	X	
8	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	X	X
9	Các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	X	X
10	Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (Đường sắt kết nối với cảng biển cửa ngõ quốc tế)	X	
II	Các dự án quan trọng khác		
1	Các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường sắt kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt	X	X
2	Các tuyến đường bộ liên tỉnh, kết nối vùng	X	X
3	Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ	X	X

TT	Tên dự án	Phân kỳ thực hiện	
		Giai đoạn 2021 - 2030	Giai đoạn sau 2030
4	Các bến cảng của cảng Cái Mép - Thị Vải (mục tiêu trở thành cảng trung chuyển quốc tế lớn tầm cỡ khu vực và quốc tế)	X	X
5	Đầu tư di dời các cảng trên sông Sài Gòn	X	X
6	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Bình Dương và Đồng Nai	X	X
7	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	X	
8	Tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	X	X
9	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	X	
10	Mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo, nâng cấp Cảng hàng không Biên Hòa	X	
11	Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa, nâng cao tính thông các cầu trên các tuyến đường thủy nội địa quan trọng	X	X
12	Các nhà máy điện; các trạm biến áp và đường dây truyền tải liên vùng, nội vùng theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	X	
13	Các kho xăng, dầu, LNG, LPG, tuyến ống vận chuyển nhiên liệu theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	X	
14	Các hệ thống thủy lợi, hồ chứa theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	X	
15	Khu thương mại tự do tại Cái Mép Hạ (Bà Rịa - Vũng Tàu) gần với cảng biển	X	
16	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	X	
17	Hạ tầng cho phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	X	X
18	Các trung tâm logistics hàng không tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai; trung tâm logistics gần với cảng biển tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu	X	X
19	Hệ thống công trình chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh	X	
20	Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á	X	X

TT	Tên dự án	Phân kỳ thực hiện	
		Giai đoạn 2021 - 2030	Giai đoạn sau 2030
21	Phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu trong khu vực châu Á	X	X
22	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	X	X
23	Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	X	X
24	Phát triển các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực phía Nam	X	X
25	Mở rộng, phát triển khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	X	X
26	Đầu tư nâng cấp các cơ sở khoa học, công nghệ công lập trọng điểm	X	
27	Các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, vùng	X	X
28	Thành lập Trung tâm chuyển đổi số vùng, Trung tâm dữ liệu lớn của vùng	X	
29	Phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm	X	X
30	Các trung tâm bưu chính vùng	X	
31	Các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng, liên tỉnh	X	
32	Xử lý ô nhiễm môi trường nước tại sông Đồng Nai, sông Sài Gòn	X	
33	Các cơ sở văn hóa, khu liên hợp thể thao cấp quốc gia, vùng	X	
34	Các khu du lịch quốc gia trên địa bàn vùng	X	X



Phụ lục II
DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 370/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN SƠ ĐỒ	TỶ LỆ
1	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1: 250.000
2	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1: 250.000
3	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1: 250.000
4	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1: 250.000
5	Sơ đồ phương hướng sử dụng tài nguyên	1: 250.000
6	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường	1: 250.000
7	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	1: 250.000